

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ XÂY
DỰNG
Số: 104/2004/TTLT/BTC-
BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2004

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định
và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch
tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;

Căn cứ Chỉ thị số 04/2004/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quản lý cấp nước và tiêu thụ nước sạch;

Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn như sau:

I - NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

Giá tiêu thụ nước sạch được xác định trên các nguyên tắc sau:

1. Giá tiêu thụ nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí của giá thành toàn bộ và lợi nhuận định mức hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ để các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nước sạch duy trì và phát triển. Giá tiêu thụ nước sạch có tác dụng khuyến khích đơn vị cấp nước sạch nâng cao chất lượng về nước sạch, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng

và phần đầu giảm chi phí, giảm thất thoát nước; có tác dụng khuyến khích khách hàng sử dụng nước tiết kiệm.

2. Giá tiêu thụ nước sạch được xác định theo khối lượng tiêu thụ và mục đích sử dụng nước như: nước dùng cho sinh hoạt của dân cư, cơ quan hành chính, tổ chức sự nghiệp, nước dùng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phù hợp với đặc điểm tiêu dùng nước, nguồn nước và điều kiện sản xuất nước của từng địa phương, khu vực; giá tiêu thụ nước sạch được quy định không phân biệt theo thành phần kinh tế, người Việt Nam hay người nước ngoài sống tại Việt Nam.

3. Giá tiêu thụ nước sạch được quy định thống nhất về nguyên tắc, phương pháp xác định giá. Các mức giá tiêu thụ nước sạch được xem xét điều chỉnh khi có biến động về chi phí sản xuất nước sạch, sự thay đổi về chế độ, chính sách có liên quan của Nhà nước.

Giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Nhà nước chỉ đạo theo khung giá phù hợp với địa phương, khu vực.

II - PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ THÀNH TOÀN BỘ VÀ GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

1. Phương pháp xác định giá thành toàn bộ của sản phẩm nước sạch:

Giá thành toàn bộ của sản phẩm nước sạch bao gồm các chi phí sau:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
1	Chi phí vật tư trực tiếp	Cvt
2	Chi phí nhân công trực tiếp	CNC
3	Chi phí sản xuất chung	CSXC
4	Cộng giá thành sản xuất (1+2+3)	CP
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Cq
6	Chi phí bán hàng	C _{vb}
	Giá thành toàn bộ (4+5+6)	GT _{tb}

Nội dung từng khoản chi phí trên được xác định như sau:

a. Chi phí vật tư trực tiếp là chi phí nguyên nhiên vật liệu, động lực sử dụng trực tiếp tạo ra sản phẩm như: tiền nước thô (đối với các doanh nghiệp phải mua nước thô), điện, phèn, clo và các vật liệu phụ cho công tác xử lý nước.

Chi phí vật tư trực tiếp được xác định bằng tổng khối lượng vật tư sử dụng nhân (x) với giá vật tư tương ứng:

- Khối lượng vật tư chủ yếu sử dụng xác định theo định mức sản xuất nước sạch do Bộ Xây dựng ban hành;
- Giá vật tư là giá mua thực tế theo giá do Nhà nước quy định hoặc thông báo và giá thị trường hợp lý tại thời điểm tính toán (đối với những vật tư không thuộc danh mục giá do Nhà nước quy định hoặc thông báo).

b. Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi ăn ca, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn của công nhân trực tiếp sản xuất nước:

- Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng số lượng ngày công theo định mức sản xuất nước sạch do Bộ Xây dựng ban hành nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng (đơn giá ngày công bao gồm: tiền lương cơ bản, các khoản phụ cấp lương theo quy định của Nhà nước);
- Chi phí tiền ăn giữa ca(nếu có) cho người lao động tham gia vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định hiện hành;
- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn của công nhân trực tiếp sản xuất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c. Chi phí sản xuất chung là các khoản chi phí chung phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp như: khấu hao tài sản cố định; tiền lương, phụ cấp lương, tiền ăn giữa ca(nếu có) trả cho nhân viên phân xưởng; chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn của cán bộ nhân viên phân xưởng; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

Riêng chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) được tính toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với những TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn tự bổ sung của doanh nghiệp: thực hiện việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Đối với những TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn vay: việc trích khấu hao TSCĐ được tính trên cơ sở thời hạn vay vốn đầu tư của dự án cấp nước.

đ. Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí chi cho bộ máy quản lý và điều hành doanh nghiệp, các khoản chi phí có tính chất chung của toàn doanh nghiệp như: khấu hao TSCĐ phục vụ bộ máy quản lý và điều hành trong doanh nghiệp (theo nguyên tắc như ở mục chi phí sản xuất chung); chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, tiền ăn giữa ca(nếu có) trả cho ban giám đốc và nhân viên quản lý ở các phòng ban; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn của bộ máy quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu, đồ dùng cho văn phòng, các khoản thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc văn phòng doanh nghiệp; các chi phí khác chung cho toàn doanh nghiệp như: chi trả lãi vay, các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí tiếp tân, giao dịch, trích nộp cấp trên, chi phí nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, chi sáng kiến, cải tiến, chi bảo vệ môi trường, chi phí giáo dục, đào tạo, chi y tế cho người lao động của doanh nghiệp, chi phí cho lao động nữ, các khoản chi phí khác theo chế độ quy định hiện hành.

d. Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí liên quan tới việc tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ như: khấu hao đường ống nước từ nơi sản xuất đến các hộ tiêu thụ, tiền lương, các khoản phụ cấp lương, tiền ăn giữa ca(nếu có), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn của nhân viên bán hàng; chi phí quảng cáo, chi phí dịch vụ mua ngoài, các khoản chi phí khác theo chế độ quy định hiện hành.

2 . Giá tiêu thụ nước sạch

2.1. Sản lượng nước thương phẩm:

Sản lượng nước thương phẩm được xác định như sau:

$$SL_{tp} = S_{Lsx} - KL_{hh}$$

Trong đó: